TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2025.
"Về việc: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân Hà.

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thủy và bà Nguyễn Thị Hiên.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 12 - Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 - Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Xoa - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 12 - Hải Phòng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 107/2025/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1974.

Địa chỉ: thôn BQ, xã ĐS, huyện CG, tỉnh HD (nay là thôn BQ, xã CG, thành phố Hải Phòng).

2. **Bị đơn**: Chị Bùi Thị N, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp 1A, xã LH, huyện CĐ, tỉnh LA (nay là Ấp 1, xã RK, tỉnh TN).

(*Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn xin xét xử vắng mặt và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh và chị Bùi Thị N được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Định, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã Cẩm Giang, thành phố Hải Phòng) vào ngày 05/11/1997 và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Sau khi kết hôn

vợ chồng cùng chung sống với gia đình bố mẹ anh tại thôn Bằng Quân, xã Cẩm Định, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (nay là thôn Bằng Quân, xã Cẩm Giang, thành phố Hải Phòng) Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 1999 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, bất đồng tính cách, lối sống trái ngược nhau và bất đồng về kinh tế dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi nhau làm cho cuộc sống trở lên căng thẳng áp lực, tình cảm rạn nứt, vợ chồng đối xử với nhau lạnh nhạt, không quan tâm chia sẻ với nhau về công việc cũng như tình cảm luôn gây mệt mỏi cho cả hai. Khi mâu thuẫn xảy ra anh cũng tìm mọi biện pháp để hàn gắn tình cảm, tháo gỡ nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Cuộc sống chung không hạnh phúc nên tháng 11 năm 1999 chị N không sinh sống cùng với anh và gia đình mà chuyển vào xã LH, huyện CĐ, tỉnh LA (nay là xã RK, tỉnh TN) sinh sống. Trong thời gian sống ly thân anh chị đều không liên lạc, chặn số điện thoại của nhau. Nay anh xác định tình cảm không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng không có biện pháp gì để hàn gắn, thời gian sống ly thân đã lâu, mỗi người một nơi nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bùi Thị N để sớm ổn định cuộc sống riêng của mình.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thu Th, sinh ngày 12/6/1998. Hiện nay con chung đã thành niên nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn chị Bùi Thị N trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Định, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã Cẩm Giang, thành phố Hải Phòng) vào ngày 05/11/1997 và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 1999 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, có lối sống trái ngược nhau không tìm được tiếng nói chung vợ chồng thường xuyên va chạm. Nhiều lần chị tìm mọi biện pháp gỡ mâu thuẫn nhưng đều không đem lại kết quả mà càng trầm trọng hơn. Do cuộc sống không hạnh phúc nên chị và anh H sống ly thân từ năm 2000 đến nay mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai, trong thời gian sống ly thân anh chị không liên lạc

với nhau. Bản thân chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, không có biện pháp gì để hàn gắn níu kéo tình cảm, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không có biện pháp gì để cải thiện hàn gắn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa, hơn nữa thời gian sống ly thân đã lâu nên anh H làm đơn ly hôn với chị thì chị đồng ý ly hôn. Hiện nay chị đang sinh sống tại Ấp 1, xã RK, tỉnh TN nên có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thu Th, sinh ngày 12/6/1998. Hiện nay con chung đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai đại diện gia đình anh H trình bày: Anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống anh chị có nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là bất đồng trong việc chăm sóc nuôi dạy con chung dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau. Khi biết được mâu thuẫn của anh chị gia đình cũng động viên, hàn gắn cho anh chị nên suy nghĩ lại vì con chung còn nhỏ cố gắng nhẫn nhịn, chịu đựng để con chung có một mái ấm gia đình được đầy đủ trọn vẹn cả bố và mẹ, nhưng chỉ được thời gian ngắn vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn. Đến tháng 11 năm 1999 chị N không sinh sống cùng với anh H mà chuyển vào xã LH, huyện CĐ, tỉnh LA (nay xã RK, tỉnh TN) sinh sống từ đó đến nay. Trong thời gian anh chị sống ly thân thì anh chị có liên lạc với nhau hay không thì gia đình không biết. Nay anh H làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị N thì gia đình bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Về con chung: anh H chị N có một con chung là Nguyễn Thu Th, sinh ngày 12/6/1998, hiện nay con chung của anh chị đã thành niên gia đình bà không có ý kiến gì. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp thì anh chị không có tài sản chung, nợ chung công sức đóng góp gì với gia đình.

Tại biên bản lấy lời khai đại diện gia đình chị N trình bày: Chị N và anh H được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 1999 thì anh chị xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính cách, lối sống và mâu thuẫn trong việc

chăm sóc nuôi dạy con chung dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung hay cãi nhau. Khi biết được mâu thuẫn gia đình cũng động viên, hàn gắn cho anh chị nhưng chỉ được thời gian ngắn lại xảy ra mâu thuẫn. Đến tháng 11 năm 1999 chị N không sinh sống cùng với anh H mà chuyển vào xã LH, huyện CĐ, tỉnh LA (nay xã RK, tỉnh TN) anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Gần đây tôi được biết anh H chị N đều có nguyện vọng ly hôn nhưng do chị N ở xa nên không thể đến Tòa án để làm thủ tục ly hôn. Nay anh H làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị N thì gia đình xác định anh chị khó có thể đoàn tụ được với nhau bởi vì thời gian sống ly thân đã lâu nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Các văn bản mà Tòa án tống đạt cho chị N gia đình đã nhận thay, và đã thông báo ngay cho chị N nắm được nội dung các văn bản đó, chị N nhất trí ly hôn với anh H và có văn bản xin vắng mặt qua đường bưu điện cho Tòa án. Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thu Th, sinh ngày 12/6/1998. Hiện nay con chung của anh chị đã thành niên tôi không có ý kiến gì. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp thì anh chị không có tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gì với gia đình.

Tòa án tiến hành xác minh tại UBND xã Định Sơn (nay là UBND xã Cẩm Giang) cung cấp: Anh Nguyễn Văn H và chị Bùi Thị N có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Định, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (nay là xã Cẩm Giang, thành phố Hải Phòng) vào ngày 05/11/1997 đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống mâu thuẫn của anh chị như thế nào địa phương không nắm được, vì khi xảy ra mâu thuẫn anh chị không thông báo với các tổ chức, đoàn thể chính quyền địa phương nên không tiến hành hòa giải cho anh chị được mà anh chị cùng gia đình hai bên tự giải quyết. Qua theo dõi thực tế tại địa phương anh chị sống ly thân từ nhiều năm nay mỗi người một nơi. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật làm sao đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

Tòa án tiến hành xác minh tại Công an xã Định Sơn (nay là Công an xã Cẩm Giang) cung cấp: Anh Nguyễn Văn H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Bằng Quân, xã Cẩm Định, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (nay là thôn Bằng Quân, xã Cẩm Giang, thành phố Hải Phòng). Chị Bùi Thị N không sống tại địa phương từ nhiều năm nay mà đã thay đổi nơi cư trú và sinh sống tại địa bàn Ấp 1A, xã LH, huyện CĐ, tỉnh LA (nay là Ấp 1, xã RK, tỉnh TN).

Tại phiên toà:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt, có quan điểm về việc giải quyết vụ án: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với chị Bùi Thị N; về con chung, về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Bùi Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, có quan điểm về việc giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Văn H xin ly hôn với chị thì chị nhất trí. Về con chung, về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 Hải Phòng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn H ly hôn chị Bùi Thị N.

- Về con chung: Anh chị có một con chung Nguyễn Thu Th, sinh ngày 12/6/1998, hiện nay con chung đã thành niên nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] .Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, xác định đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn anh H hiện cư trú tại thôn Bằng Quân, xã Cẩm Giang, thành phố Hải Phòng. Bị đơn chị Bùi Thị N có nơi cư trú tại Ấp 1, xã RK, tỉnh TN. Tuy nhiên anh H, chị N có đơn thỏa thuận về việc lựa chọn Tòa án huyện Cẩm Giàng (nay là Tòa án Khu vực 12-

Hải Phòng) giải quyết vụ án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 12- Hải Phòng.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh H và bị đơn chị N đều đã có quan điểm trình bày về việc giải quyết vụ án và có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Định, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã Cẩm Giang, thành phố Hải Phòng) vào ngày 05/11/1997 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm, tính cách, có lối sống trái ngược nhau không tìm được tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Khi nảy sinh mâu thuẫn, anh chị không tìm biện pháp hàn gắn mà sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 1999, chị N bỏ về bố mẹ đẻ sinh sống được một thời gian rồi chuyển đến xã LH, huyện CĐ, tỉnh LA (nay là xã RK, tỉnh TN) sinh sống. Trong thời gian sống ly thân anh chị không liên lạc, không quan tâm đến nhau. Lời trình bày về mâu thuẫn của anh chị phù hợp với lời trình bày của đại diện hai bên gia đình. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình và có nghĩa vụ chung sống cùng nhau. Nay anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống cùng nhau được. Anh H xin ly hôn thì chị N nhất trí, điều đó khẳng định mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giải quyết cho anh Nguyễn Văn H ly hôn với chị Bùi Thị N.

[2.2]. Về con chung: Anh chị xác định quá trình chung sống anh chị có một con chung là Nguyễn Thu Th, sinh ngày 12/6/1998, hiện nay con chung đã thành niên nên anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung và công sức: Anh chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Bùi Thị N.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số ký hiệu BLTU/23 số: 0007482 ngày 30/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 12 - Hải Phòng). Anh Nguyễn Văn H đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 12 - Hải Phòng;
- UBND xã Cẩm Giang, thành phố Hải Dương (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Phòng THADS Khu vực 12 - Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng Khu vực 12 - Hải Phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân Hà